

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23242/CT-TTHT
V/v thuế nhà thầu

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: Công ty TNHH IDAKA Việt Nam
Đ/c: Phòng 404, tầng 4 tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội - MST: 0106899330

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 02-2020 và công văn bổ sung hồ sơ số 03-2020 của Công ty TNHH IDAKA Việt Nam (sau đây gọi là "Công ty") hỏi về thuế nhà thầu, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại khoản 1 Điều 1 Chương I quy định:

“Điều 1. Đối tượng áp dụng

Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

“1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu”

+ Tại Điều 12 quy định thuế giá trị gia tăng:

“...

1. Doanh thu tính thuế GTGT

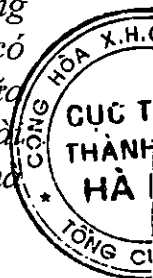
a) Doanh thu tính thuế GTGT:

Doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

...

2. Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu:

a) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với ngành kinh doanh:



<i>STT</i>	<i>Ngành kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ % để tính thuế GTGT</i>
1	<i>Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị</i>	5
2	<i>Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa; xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị</i>	3
3	<i>Hoạt động kinh doanh khác</i>	2

b) *Xác định tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với một số trường hợp cụ thể:*

...

b.2) *Đối với hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị có kèm theo các dịch vụ thực hiện tại Việt Nam, nếu tách riêng được giá trị máy móc thiết bị và giá trị các dịch vụ khi xác định số thuế GTGT phải nộp thì áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu của từng phần giá trị hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng không tách riêng được giá trị máy móc thiết bị và giá trị các dịch vụ thì áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu tính thuế là 3%.*

Ví dụ 16:

Nhà thầu nước ngoài H của Hàn Quốc không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam thực hiện hợp đồng ký với doanh nghiệp B ở Việt Nam về việc cung cấp dây chuyền máy móc, thiết bị kèm theo dịch vụ lắp đặt, vận hành, chạy thử với giá trị là 10.000.000 USD. Tại hợp đồng không tách riêng được phần giá trị máy móc thiết bị và giá trị dịch vụ lắp đặt, vận hành chạy thử thì tỷ lệ % để tính thuế GTGT áp dụng là 3%.”

+ *Tại Điều 13 quy định thuế thu nhập doanh nghiệp:*

“ ...

1. *Doanh thu tính thuế TNDN:*

a) *Doanh thu tính thuế TNDN*

Doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu không bao gồm thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. Doanh thu tính thuế TNDN được tính bao gồm cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

2. *Tỷ lệ % để tính thuế TNDN trên doanh thu*

a) *Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:*

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế
1	Thương mại: phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị; <u>phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị gắn với dịch vụ tại Việt Nam</u> {bao gồm cả cung cấp hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ (trừ trường hợp gia công hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài); cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của Các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms}	1
2	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan	5
	Riêng: - Dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino;	10
	- Dịch vụ tài chính phái sinh	2
3	Cho thuê tàu bay, động cơ tàu bay, phụ tùng tàu bay, tàu biển	2
4	Xây dựng, lắp đặt có bao thầu hoặc không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	2
...

b) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với một số trường hợp cụ thể:

...

b.2) Đối với hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị có kèm theo các dịch vụ thực hiện tại Việt Nam, nếu tách riêng được giá trị máy móc thiết bị và giá trị các dịch vụ thì tính thuế theo tỷ lệ thuế riêng của từng phần giá trị hợp đồng. Trường hợp trừ hợp đồng không tách riêng được giá trị máy móc thiết bị và giá trị các dịch vụ thì áp dụng tỷ lệ thuế TNDN trên doanh thu tính thuế là 2%.

Ví dụ 27:

Nhà thầu nước ngoài A ký hợp đồng với Bên Việt Nam để cung cấp 1 dây chuyền máy móc, thiết bị với giá trị là 70 triệu USD. Giá trị hợp đồng bao gồm:

- + Giá trị máy móc, thiết bị cung cấp cho công trình: 60 triệu USD
- + Giá trị thiết kế dây chuyền công nghệ, thiết kế khác: 5 triệu USD
- + Giá trị dịch vụ giám sát, hướng dẫn lắp đặt: 3 triệu USD
- + Giá trị dịch vụ đào tạo kỹ thuật, vận hành thử: 2 triệu USD.

Trong trường hợp tách riêng được phần giá trị máy móc thiết bị và giá trị dịch vụ này việc áp dụng tỷ lệ thuế TNDN như sau: đối với giá trị máy móc, thiết bị áp

dụng tỷ lệ đối với ngành thương mại; đối với giá trị dịch vụ thiết kế, giám sát lắp đặt, đào tạo, vận hành thử áp dụng tỷ lệ đối với ngành dịch vụ.

Trường hợp không tách riêng được thì áp dụng tỷ lệ thuế TNDN là 2% trên toàn bộ giá trị hợp đồng (70 triệu USD).”

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty ký hợp đồng mua hàng hóa từ Nhật Bản để bán cho các đơn vị tại Việt Nam, theo thỏa thuận đối tác bên Nhật Bản cung cấp hàng hóa kèm theo dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, hỗ trợ kỹ thuật thì đối tác bên Nhật Bản thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu. Trường hợp đối tác bên Nhật Bản không đáp ứng một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II Thông tư 103/2014/TT-BTC thì Công ty khấu trừ, nộp thay thuế GTGT, thuế TNDN cho đối tác bên Nhật Bản theo quy định.

Trường hợp hợp đồng tách riêng được giá trị máy móc thiết bị và giá trị các dịch vụ kèm theo thì Công ty áp dụng tỷ lệ (%) để tính thuế nhà thầu (thuế GTGT, thuế TNDN) theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Thông tư 103/2014/TT-BTC như sau:

- Đối với phần giá trị hàng hóa:

+ Thuế GTGT: không phải nộp thuế GTGT trên giá trị hàng hóa đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu hoặc thuộc diện không chịu thuế GTGT.

+ Thuế TNDN: áp dụng tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 1%

- Đối với phần giá trị dịch vụ kèm theo:

+ Thuế GTGT: áp dụng tỷ lệ thuế GTGT tính trên doanh thu tính thuế là 5%.

+ Thuế TNDN: áp dụng tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 5%

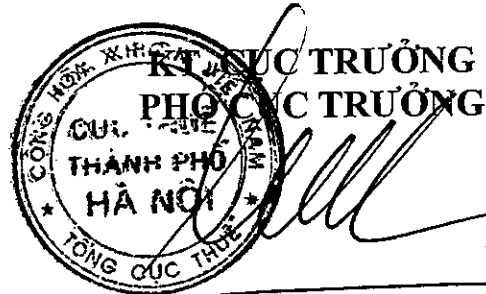
Trường hợp Công ty chi trả thay cho đối tác bên Nhật Bản một số khoản chi phí (vé máy bay, tiền khách sạn) cho chuyên gia của đối tác bên Nhật Bản sang Việt Nam để cung cấp dịch vụ thì doanh thu tính thuế nhà thầu bao gồm cả phần chi phí trả thay nêu trên.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị Công ty liên hệ Phòng Thanh tra – Kiểm tra thuế số 1 để được hướng dẫn.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH IDAKA Việt Nam được biết và thực hiện. //

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TKT1;
- Phòng DTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2). (1,3)



Nguyễn Tiên Trường